

THÔNG BÁO
Về việc công khai các khoản thu hộ - chi hộ, thu thỏa thuận
Năm học 2021 - 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung thu	Thu	Chi	Tồn	Ghi chú
1	Tiền học phẩm	154.200.000	153.830.496	369.504	
2	Tiền EnetViệt (Phụ huynh đăng ký theo nhu cầu, không bắt buộc)	60.840.000	60.840.000	0	
3	Tiền bảo hiểm tai nạn	15.640.000	15.640.000	0	
4	Tiền học môn năng khiếu Anh Văn (học phí trả cho trung tâm)	146.560.000	146.560.000	0	
5	Tiền học môn năng khiếu (Hội họa, nhíp điệu, Võ, Đàn, Bơi lội) học phí trả cho trung tâm	355.390.000	355.390.000	0	
6	Tiền ăn sáng	1.086.418.045	1.086.408.793	9.252	
7	Tiền ăn bán trú	2.390.623.579	2.390.623.011	568	
8	Tiền nước uống	46.920.000	46.408.590	511.410	
9	Tiền phục vụ bán trú	800.450.000	765.481.771	34.968.229	Trả lương cho HD lao động Tháng 8 và truy đóng BHXH, BHYT, BHYTN từ tháng 7/2019 - 9/2021
10	Tiền chi trả HD theo NQ04	166.304.000	166.304.000	0	
11	Tiền vệ sinh phí	103.654.000	89.202.500	14.451.500	Tháng 8, mua vệ sinh phí, vệ sinh môi trường, thuê người chặt các nhánh cây... chuẩn bị đón học sinh vào năm học mới
12	Tiền phục vụ ăn sáng	363.575.000	363.574.502	498	
13	Tiền cơ sở vật chất bán trú	117.450.000	115.199.542	2.250.458	Trả tiền cát, xi măng lát nền sân trường

Nơi nhận:

- PHHS (để t/h);
- Lưu: VT, HSơ CMHS./.

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân